

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 363/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1975;

Bị đơn: Bà Thái Thị Bé N, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ thường trú: 59L3 Đường G, phường N, Quận M – TP. H.

Cùng địa chỉ tạm trú: Lô X số B, Phường S, Quận T, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Văn Đ và bà Thái Thị Bé N (Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường N, Quận M, Thành phố H cấp ngày 27/4/2009).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Bùi Văn Đ và bà Thái Thị Bé N xác nhận có hai con chung tên: Bùi Võ Anh T, sinh ngày 13/7/2011 và Bùi Võ Khánh L, sinh ngày 15/9/2014. Hai bên thỏa thuận, giao cả hai con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng bà N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Bùi Văn Đ và bà Thái Thị Bé N xác nhận không có.

2.3. Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Đ tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0035825 ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Ông Đ được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPH;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Kiều